

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/8/2026

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Nga

Ông Nguyễn Phạm Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Duy Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Bin - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2026/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2026 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1054/2026/QĐXX-ST ngày 24/7/2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 1058/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu Y, sinh năm 1980, CCCD số: ...; Nơi cư trú: Tổ A, thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1975, CCCD số: Nơi cư trú: Tổ A, thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu Y trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ) vào năm 2002, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại địa chỉ thôn L, xã H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp; ông H không thực hiện nghĩa vụ của người chồng, người cha, không lo làm ăn, đóng góp kinh tế cho gia đình, không những vậy ông H còn xúc phạm, la mắng vợ con

vô có, quấy phá ảnh hưởng đến đời sống của bà. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà xác định giữa bà và ông H có 02 con chung tên là Nguyễn Đức H1, sinh năm 2006 và Nguyễn Đức Gia H2, sinh ngày 29/9/2013. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Đức Gia H2 và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Đức H1 đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 22/6/2026, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:***

Ông xác định về thời gian và điều kiện kết hôn như bà Y trình bày là đúng đồng thời thừa nhận quá trình chung sống thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình quan điểm sống không hòa hợp. Tuy nhiên ông có ý kiến đề nghị Tòa án tạm hoãn việc giải quyết ly hôn vì lý do hiện con trai lớn đang mất tích nên gia đình đang đi tìm con.

Về con chung: Ông xác định có 02 con chung là Nguyễn Đức H1, sinh năm 2006 và Nguyễn Đức Gia H2, sinh ngày 29/9/2013. Ông không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*** 01 Trích lục kết hôn (bản sao), 02 giấy khai sinh của con chung (bản sao), 01 CCCD (bản sao), 01 xác nhận thông tin nơi cư trú; biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà Lê Thị Thu Y được ly hôn ông Nguyễn Đức H. Về con chung, đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao con chung tên Nguyễn Đức Gia H2, sinh ngày 29/9/2013 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Bà Y và ông H có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (cũ) nay là phường H, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 02/01/2002), hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân có đủ các điều kiện do Luật Hôn nhân và Gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Y xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên tha thiết xin ly hôn còn bị đơn ông H vắng mặt, tuy nhiên quá trình tố tụng ông H cũng thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Xét yêu cầu ly hôn của bà Y thì thấy: Quá trình chung sống thì giữa bà Y và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình quan điểm sống không hòa hợp, quá trình sống chung đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng; giữa vợ chồng không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện giữa vợ chồng bà Y ông H có xảy ra mâu thuẫn. Như vậy, hôn nhân giữa bà Y và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin được ly hôn của bà Y là chính đáng, phù hợp với

pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Y và ông H xác định ông bà có 02 con chung tên là Nguyễn Đức H1, sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn Đức Gia H2, sinh ngày 29/9/2013. Ly hôn, bà Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Gia H2, còn ông H không có ý kiến nguyện vọng gì về con chung. Xét thấy, con chung Nguyễn Đức Gia H2 có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn; đồng thời hiện con chung đang do bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao con Nguyễn Đức Gia H2 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chung, đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu. Sau khi ly hôn, các đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Đức H1, sinh ngày 09/8/2006 đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” của bà Lê Thị Thu Y đối với ông Nguyễn Đức H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu Y ly hôn ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Đức Gia H2, sinh ngày 29/9/2013 cho bà Lê Thị Thu Y trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thu Y phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003596 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thu Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đà Nẵng;
- UBND p. Hòa Cường, Tp. Đà Nẵng
(Số ĐKKH: 03 ngày 02/01/2002 tại
UBND p. Hòa Cường cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn